



**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN** **NĂM 2012**

*Quy Nhơn, tháng 03 năm 2013*

# MỤC LỤC

<b>THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO .....</b>	<b>3</b>
<b>Phần I. Thông tin chung .....</b>	<b>4</b>
<b>I. Thông tin khái quát .....</b>	<b>4</b>
<b>II. Quá trình hình thành và phát triển .....</b>	<b>4</b>
<b>III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....</b>	<b>5</b>
<b>IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....</b>	<b>5</b>
<b>V. Định hướng phát triển.....</b>	<b>6</b>
<b>VI. Các rủi ro .....</b>	<b>7</b>
<b>Phần II. Tình hình hoạt động trong năm 2012.....</b>	<b>8</b>
<b>I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....</b>	<b>8</b>
<b>II. Tổ chức và nhân sự.....</b>	<b>10</b>
<b>III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....</b>	<b>11</b>
<b>IV. Tình hình tài chính.....</b>	<b>12</b>
<b>V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....</b>	<b>13</b>
<b>Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....</b>	<b>14</b>
<b>I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh .....</b>	<b>14</b>
<b>II. Tình hình tài chính.....</b>	<b>14</b>
<b>III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....</b>	<b>16</b>
<b>IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....</b>	<b>16</b>
<b>Phần IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....</b>	<b>17</b>
<b>I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....</b>	<b>17</b>
<b>II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....</b>	<b>17</b>
<b>III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....</b>	<b>17</b>
<b>Phần V. Quản trị Công ty.....</b>	<b>19</b>
<b>I. Hội đồng quản trị .....</b>	<b>19</b>
<b>II. Ban Kiểm soát.....</b>	<b>19</b>
<b>III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.....</b>	<b>21</b>
<b>Phần VI. Báo cáo tài chính .....</b>	<b>23</b>
<b>Báo cáo tài chính được kiểm toán.....</b>	<b>23</b>

## THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO

### *Kính thưa Quý Cổ đông và Nhà Đầu tư,*

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước khi tình hình nợ xấu tăng, khả năng tiếp cận nguồn vốn còn nhiều khó khăn, lãi suất tín dụng cao so với khả năng sinh lợi của doanh nghiệp, tồn kho lớn và hàng loạt các Công ty đã tuyên bố phá sản.

Bên cạnh đó, tình hình biến đổi khí hậu đã và đang có những tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội - môi trường và đặc biệt ngày càng ảnh hưởng tiêu cực đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Đối với ngành phân bón, bên cạnh sự cạnh tranh thường trực của nguồn ure Trung Quốc tiêu ngạch giá rẻ với nhiều chính sách biến hóa thì nay các nhà máy sản xuất ure trong nước mới đã đi vào hoạt động với sản lượng tăng hơn gấp đôi, báo hiệu thị trường trong nước bắt đầu chuyển sang giai đoạn cạnh tranh quyết liệt hơn khi nguồn cung đã vượt cầu.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian qua, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, tin tưởng, sự hợp tác và hỗ trợ rất hiệu quả của Nhà đầu tư, Quý đối tác, khách hàng và đặc biệt là sự tin dùng của bà con nông dân. Bên cạnh đó, cùng với sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu và tinh thần đoàn kết của tập thể lãnh đạo, người lao động, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu cơ bản tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 với lợi nhuận 53,27 tỷ đồng, đạt 126,82% kế hoạch năm, tăng 26,94% so với thực hiện năm 2011 và tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 dự kiến là 17%, tăng 3% so với kế hoạch ban đầu.

Trong năm 2012, Công ty cũng đã nghiên cứu và đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới, phân bón tổng hợp NPK Phú Mỹ 16-7-17+Bo+Te, bước đầu đã mang lại kết quả rất khả quan.

Ngoài những kết quả đã đạt được trong hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng công tác an sinh xã hội, cộng đồng và đã triển khai nhiều chương trình cụ thể, thiết thực được dư luận xã hội đánh giá cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn quan tâm, chú trọng việc đảm bảo chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất và chia sẻ, ủng hộ CBNV cũng như người thân bị bệnh hiểm nghèo hay có hoàn cảnh khó khăn...

Năm 2013 được dự báo về tình hình kinh tế với nhiều ý kiến khác nhau, song đều có chung nhận định sẽ có những chuyển biến tích cực hơn so với năm 2012. Tuy nhiên, nền kinh tế dưới sự tác động của tình hình biến đổi khí hậu vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, có nguy cơ tác động xấu đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón nói riêng. Nhưng với tinh thần đoàn kết và quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo và CBNV, Công ty sẽ vượt qua thử thách để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm 2013 và không ngừng tích lũy giá trị cho Quý cổ đông, đây cũng là cam kết của Ban lãnh đạo Công ty.

Ban Lãnh đạo Công ty xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Quý cổ đông, Quý đối tác, khách hàng, các cơ quan quản lý Nhà nước và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác tốt đẹp của Quý vị trong thời gian tới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

# PHẦN I

## THÔNG TIN CHUNG

### I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100733174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 15/8/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/3/2012.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).
- Địa chỉ: Lô A2, Cụm CN Nhơn Bình, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Số điện thoại: 056 – 3848488.
- Số fax: 056 – 3848588.
- Website: [www.pce.vn](http://www.pce.vn).

### II. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 14/01/2005, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam có quyết định số 078/QĐ-HĐQT thành lập Chi nhánh Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên, với mục đích tổ chức thực hiện kinh doanh, phát triển thị trường bán buôn, bán lẻ sản phẩm phân đạm và hóa chất dầu khí tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc và được đặt tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Ngày 22/8/2005, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã ra quyết định số 2313/QĐ-HĐQT để chuyển đổi trụ sở của Chi nhánh Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên từ thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đến thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Ngày 19/9/2007, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí có quyết định số 018/QĐ-HĐQT thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên;
- Ngày 27/12/2007, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí (*nay là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP*) đã có quyết định số 081/QĐ-HĐQT đổi tên Chi nhánh Công ty cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên thành Xí nghiệp kinh doanh Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung và Tây Nguyên trực thuộc Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3513000168 đăng ký lần đầu ngày 02/10/2007, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp;
- Ngày 07/08/2008, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP có Quyết định 116/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên số 3504000294 đăng ký lần đầu ngày 15/08/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 05/05/2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Định cấp;
- Sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý, Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/09/2008;

- Ngày 24/12/2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP đã có Quyết định số 272/QĐ-HĐQT về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung thành Công ty cổ phần;
- Ngày 31/12/2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100733174 cho Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung;
- Từ ngày 01/01/2011 đến nay, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam.

### **III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### ***Ngành nghề kinh doanh:***

Theo quyết định thành lập và đăng ký kinh doanh số 4100733174 đăng ký lần đầu ngày 15/8/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/3/2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định ghi lại theo hệ thống mã ngành kinh tế quốc dân theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gồm các ngành nghề chính như sau:

- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (*trừ gỗ, tre, nứa*) và động vật sống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (*dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp*);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bán buôn hóa chất khác (*trừ loại sử dụng trong nông nghiệp*);
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.

#### ***Địa bàn kinh doanh:***

Địa bàn kinh doanh của Công ty bao gồm 11 tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên là Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Quảng Trị, Gia Lai, Kon Tum và ĐakLak.

### **IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

#### ***Mô hình quản trị:***

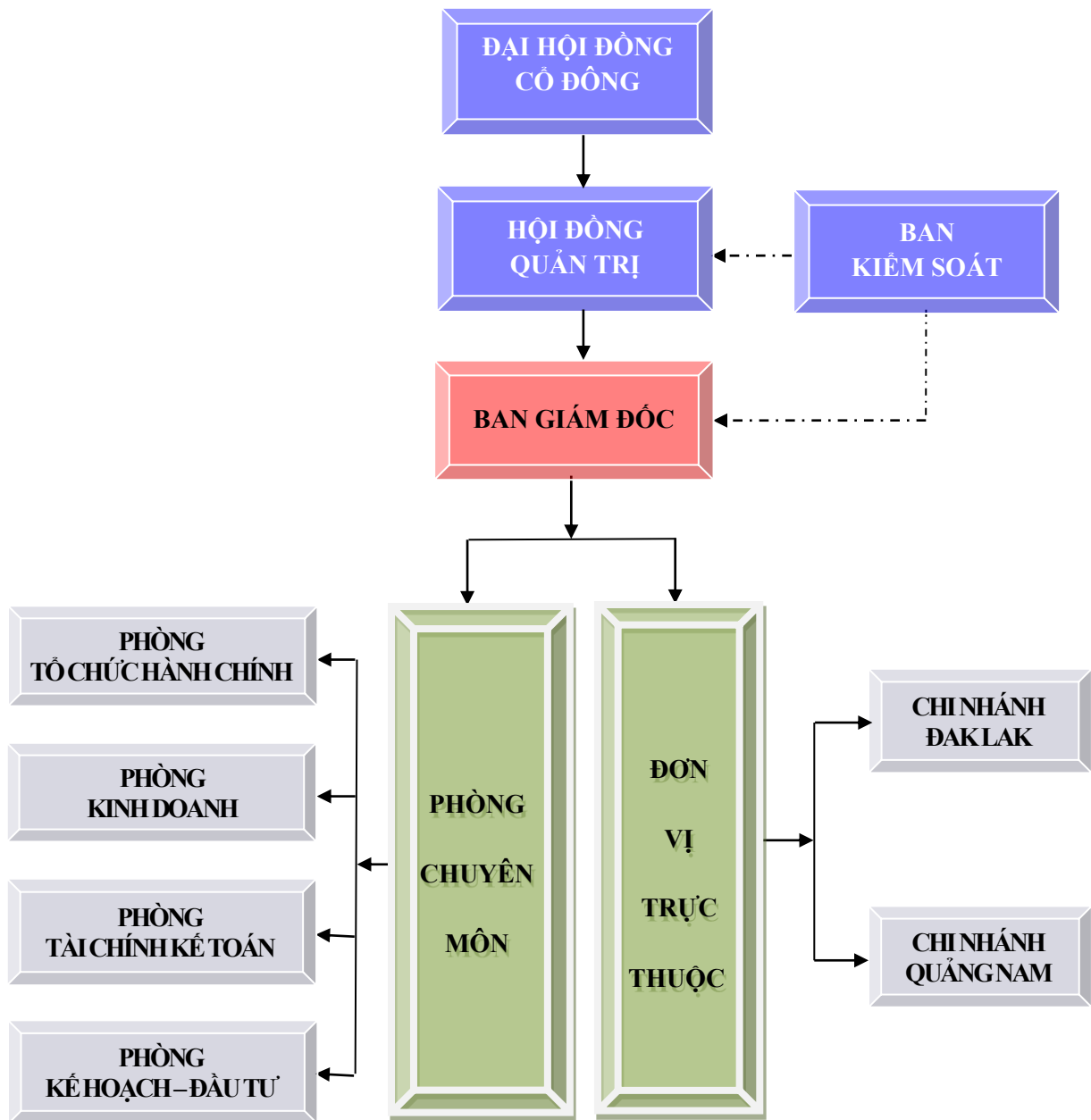
Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

- *Cơ cấu bộ máy quản lý:*



**V. Định hướng phát triển**

*Nguyên tắc phát triển:*

- Đổi mới - An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững;
- Tập trung kinh doanh và phân phối các sản phẩm chủ lực của PVFCCo (Ure, NPK Phú Mỹ);
- Kiểm soát chặt chẽ quá trình kinh doanh và phân phối nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người sử dụng, thực hiện đúng các cam kết với khách hàng;
- Hợp tác phát triển lâu dài với các đối tác.

### ***Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:***

- Tiếp tục củng cố và xây dựng thương hiệu sản phẩm Đạm Phú Mỹ là thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường;
- Duy trì 60% - 70% thị phần phân bón ure tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối, định hướng tới gần hơn với người tiêu dùng và đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của đội ngũ CBNV, đặc biệt là lực lượng cán bộ kinh doanh, thị trường (*phần đầu 80% có kiến thức vững về nông nghiệp*);
- Đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, cũng như lợi ích của người lao động.

### ***Chiến lược phát triển trung và dài hạn:***

Đến năm 2015 Công ty phấn đấu thực hiện:

- Thị phần Ure đạt 70%;
- Tiếp tục củng cố và mở rộng hệ thống phân phối đảm bảo phủ kín 11 tỉnh khu vực Miền Trung - Tây nguyên;
- Hoá chất: doanh số đạt 30 tỷ đồng vào năm 2015;
- Đội ngũ CBNV hoạt động chuyên nghiệp, đặc biệt là lực lượng cán bộ kinh doanh, thị trường (*80% có kiến thức vững về nông nghiệp*);
- Đảm bảo CBNV có thu nhập cao và ổn định;
- Đảm bảo lợi ích cổ đông;

Đến 2025, Công ty phấn đấu trở thành doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón đứng đầu trong khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và hàng đầu tại Việt Nam.

### ***Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:***

Phát triển doanh nghiệp luôn đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

## **VI. Các rủi ro:**

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhận diện được một số rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Những tác động của biến đổi khí hậu, diễn biến thời tiết bất thường;
- Giá phân bón phụ thuộc nhiều yếu tố, dễ biến động và khó dự báo;
- Nguồn cung ure vượt cầu sẽ tạo ra cạnh tranh quyết liệt, đặc biệt cạnh tranh về giá;
- Nhiều nhà máy NPK ra đời, sản xuất ra nhiều sản phẩm thay thế (NPK chuyên dùng, mùa khô/mùa mưa, phân vi sinh...);
- Sản lượng tiêu thụ phân ure tăng trưởng thấp do diện tích đất nông nghiệp đang bị thu hẹp dần, thậm chí sẽ giảm do ngành nông nghiệp triển khai các chương trình 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm...;
- Rủi ro về nhà cung cấp;
- Rủi ro khi đưa sản phẩm mới ra thị trường;

Trên cơ sở những rủi ro chính yếu, Công ty đã lên kế hoạch kiểm soát thường xuyên để kịp thời phát hiện và có những giải pháp ngăn chặn, hạn chế rủi ro nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đã định.

## PHẦN II

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

#### **I. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012**

Năm 2012 là năm mà tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, cũng là năm thị trường ure bắt đầu chuyển từ cung không đủ cầu sang cung vượt cầu. Bên cạnh đó, những ảnh hưởng của tình hình biến đổi khí hậu đã tác động tiêu cực đến mùa vụ và hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Giá nông sản luôn ở mức thấp và chi phí hoạt động kinh doanh ngày càng tăng cao... đã tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Đứng trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBNV, Công ty đã tận dụng được những yếu tố thuận lợi để khắc phục khó khăn. Ngoài những lợi thế như chất lượng và thương hiệu sản phẩm, ý chí đoàn kết của tập thể lãnh đạo và CBNV và đặc biệt là sự quan tâm sâu sát và hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Công ty cũng luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước và sự hợp tác tốt đẹp, hiệu quả của các đối tác, khách hàng. Năm 2012, Công ty cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với lợi nhuận đạt 126,82% kế hoạch năm (Chi tiết Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2012 đính kèm).

Bên cạnh đó, ngoài việc kinh doanh, phân phối ure Phú Mỹ, Công ty đã tích cực khai thác, kinh doanh các sản phẩm phân bón khác với mục đích đa dạng sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận được với hầu hết các đối tượng kinh doanh, phân phối phân bón trong khu vực, đồng thời đáp ứng nhu cầu của bà con nông dân. Tháng 5/2012, Công ty đã phối hợp cùng Tổng Công ty đưa ra thị trường khu vực Tây Nguyên dòng sản phẩm mới - phân bón hỗn hợp NPK Phú Mỹ 16-7-17+Bo+Te, bước đầu nhận được sự phản hồi tích cực từ phía các cửa hàng và người sử dụng. Hiện, Công ty đang tiếp tục phối hợp với Tổng Công ty nghiên cứu dòng sản phẩm NPK mùa khô để đáp ứng nhu cầu thị trường.



### Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2012

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	TH 2012/ KH 2012	TH 2012/ TH 2011
<b>A</b>	<b>SẢN LƯỢNG KD</b>		<b>260.135,50</b>	<b>283.804,25</b>	<b>276.218,56</b>	<b>97%</b>	<b>106%</b>
1	Urê Phú Mỹ	Tấn	179.002,50	220.000,00	211.039,09	96%	118%
2	Đạm Cà Mau	Tấn	-	10.000,00	12.356,50	124%	
3	NPK Phú Mỹ	Tấn	2.607,25	10.000,00	10.530,75	105%	404%
4	PB tự doanh	Tấn	78.062,51	43.004,25	41.184,70	96%	53%
5	Hóa chất	Tấn	463,24	800,00	1.107,52	138%	239%
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>						
1	Tổng tài sản	Tỷ VNĐ	218,94		240,44		109%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	116,83		138,71		118%
3	Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	2.202,98	2.535,40	2.444,50	96%	111%
4	Nộp NSNN	Tỷ VNĐ	18,20	10,50	26,01	248%	143%
5	LN trước thuế	Tỷ VNĐ	41,96	42,00	53,27	127%	127%
5	LN sau thuế	Tỷ VNĐ	31,47	31,50	43,65	139%	139%
<b>C</b>	<b>CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ</b>		-		-		
1	Giá trị thực hiện đầu tư		28,88	37,92	11,27	30%	39%
2	Giá trị giải ngân	Tỷ VNĐ	28,88	37,92	11,27	30%	39%
-	Từ vốn CSH	Tỷ VNĐ	28,88	22,32	11,27	50%	39%
-	Từ vốn vay khác	Tỷ VNĐ	-	15,60	-		
<b>D</b>	<b>CHỈ TIÊU KHÁC</b>						
<b>1</b>	Lao động và thu nhập						
-	Số lao động cuối kỳ	Người	48	61	50	82%	104%
-	Số lao động bình quân trong kỳ	Người	42	54	50	93%	119%
-	Thu nhập bình quân	Trđ/người/tháng	23,67	23,72	25,27	106%	107%
-	Năng suất lao động (tính theo doanh thu)	Trđ/người/tháng	3.824,62	3.463,67	4.074,17	118%	107%
<b>2</b>	Thực hiện đào tạo	Lượt người	249,00	202	394	195%	158%
<b>3</b>	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	0,36	0,64	0,63	98%	175%

## II. Tổ chức và nhân sự

### 1. Danh sách Ban điều hành:

#### **Ông Nguyễn Đức Hòa**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT  
Năm sinh: 1956  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

#### **Ông Cao Trung Kiên**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc  
Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Mai Minh Phương**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc  
Năm sinh: 1979  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Lê Thanh Viên**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng  
Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Nguyễn Hữu Luận**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT  
Năm sinh: 1977  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông nghiệp

#### **Bà Nguyễn Thị Kim Anh**

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát  
Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Phạm Thành Long**

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát  
Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Hoàng Trung Dũng**

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát  
Năm sinh: 1964  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

## **2. Những thay đổi trong ban điều hành:**

Trên cơ sở công văn số 265/PBHC-HĐQT ngày 09/8/2012 của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí về việc giới thiệu nhân sự đại diện của PVFCCo tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung;

Căn cứ kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thay đổi nhân sự Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, ngày 31/8/2012, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 422/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/8/2012 về việc thay đổi nhân sự Ban Kiểm soát Công ty, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Thường thôi kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và thôi giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty;
- Bà Nguyễn Thị Hương Lan thôi kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Bà Nguyễn Thị Kim Anh chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ PVFCCo tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty (*kiêm nhiệm*);
- Ông Phạm Thành Long chuyên viên Văn phòng Hội đồng quản trị PVFCCo tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty (*kiêm nhiệm*).

## **3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

- Tính đến thời điểm 31/12/2012: tổng số lao động của Công ty là 50 người (trong đó lao động nữ là 14 người), 100% lao động được ký HĐLĐ theo đúng quy định của Bộ luật lao động, trong đó: 13 HĐLĐ không xác định thời hạn; 37 HĐLĐ có thời hạn từ 12-36 tháng;
- Việc thực hiện các chế độ chính sách của Công ty được thực hiện theo đúng Bộ Luật Lao động, chính sách nhân viên và thỏa ước lao động tập thể của Công ty;
- Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của NLĐ phù hợp với Pháp luật và chính sách chung của Tổng Công ty nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài;
- Công ty đã điều chỉnh hệ thống thang, bảng lương và đăng ký với Sở LĐ-TB-XH Tỉnh Bình Định. Đồng thời điều chỉnh quy chế tuyển dụng- đào tạo, quy chế nâng bậc lương, quy chế thi đua khen thưởng và chính sách nhân viên;

## **III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án**

Trong năm 2012, Công ty đã hoàn tất việc đầu tư và đưa vào sử dụng dự án kho DakLak tại Km16, QL14, xã CuorĐặng, huyện CưM.gar, tỉnh ĐakLak;

Dự án kho Phú Yên và Quảng Trị tạm dừng triển khai do Công ty đang tiến hành đánh giá lại hiệu quả và nhu cầu sử dụng nhằm phù hợp với tình hình mới.

#### IV. Tình hình tài chính

##### 1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	214,939	240,440	112%
Doanh thu thuần	2.197,120	2.440,980	111%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41,883	53,177	127%
Lợi nhuận khác	0,077	0,091	118%
Lợi nhuận trước thuế	41,960	53,268	127%
Lợi nhuận sau thuế	31,329	43,649	139%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	17%	17%	100%

Các chỉ tiêu tài chính năm 2012 đều tăng so với năm 2011 cho thấy tình hình kinh doanh của Công ty năm 2012 tốt.

##### 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
Lợi nhuận ròng/ Vốn CSH bình quân (ROE)	29%	33%	
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản bình quân (ROA)	16%	23%	

Tổng tài sản bình quân của Công ty trong năm 2012 giảm 3% so với năm 2011 nhưng chỉ số tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) vẫn tăng với mức là 23% và tỷ suất sinh lời trên vốn CSH (ROE) vẫn ở mức cao là 33%, khả năng sinh lời cao, chứng tỏ Công ty sử dụng rất hiệu quả đồng vốn của các cổ đông.

- Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	2011	2012	Ghi chú
Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	1,55	1,66	
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản lưu động – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,46	1,37	

Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh trong năm 2012 của Công ty là tương đối tốt, điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn phải trả.

### **3. Tỷ số hoạt động năm 2012:**

- Kỳ thu tiền bình quân trong năm 2012 là 5,66 ngày cho thấy tình hình các khoản phải thu vẫn duy trì ở mức thu hồi tốt;
- Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2012 là 85 vòng, số ngày bình quân vòng quay hàng tồn kho là 4,27 ngày;
- Vốn chủ sở hữu chiếm đến 57,69% trong tổng nguồn vốn cho thấy tình hình tài chính của Công ty tốt, hiệu suất sử dụng vốn (Doanh thu thuần/Vốn CSH) là 18,71 lần. Trong năm 2012, Công ty không sử dụng vốn vay mà chủ yếu sử dụng đòn bẩy tài chính từ việc tài trợ bằng công nợ khách hàng. Vì vậy, hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả kinh doanh mang lại rất cao;
- Nhìn chung, các chỉ số tài chính của Công ty năm 2012 là tốt và lành mạnh, vẫn đảm bảo duy trì sự ổn định và tăng trưởng trong bối cảnh tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn.

### **V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

#### **1. Cổ phần:**

Công ty hiện đang lưu hành 10.000.000 cổ phần phổ thông và đều là cổ phần chuyển nhượng tự do.

#### **2. Cơ cấu cổ đông:**

Công ty có 105 cổ đông. Trong đó có 3 cổ đông là tổ chức, 102 cổ đông là cá nhân và chỉ có 1 cổ đông lớn là tổ chức: Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP chiếm 75% vốn điều lệ (*tính đến thời điểm chốt danh sách ngày 25/2/2013 do PSI cung cấp*).

**PHẦN III**  
**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012**

Năm 2012, thị trường phân bón có nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo và sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám đốc với những giải pháp kinh doanh phù hợp, nhìn chung, các chỉ số của Công ty trong năm 2012 là tốt, vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng trong bối cảnh tình hình nền kinh tế rất khó khăn. Chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty đạt gần 127%, vượt khá cao so với kế hoạch và tăng 27% so với thực hiện năm 2011. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 17%, vượt 3% so với kế hoạch ĐHCĐ giao.

**II. Tình hình tài chính**

**1. Tình hình tài sản:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2012	31/12/2011	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	% Tăng, giảm 2012/2011
A	B	C	1	2	3 = 1- 2	4 = 1 / 2
1.	Tổng tài sản	Tỷ đồng	240,440	218,939	21,501	109,82 %
2.	Các khoản phải thu ngắn hạn. Trong đó:	”	77,732	72,722	5,010	106,69 %
2.1	Phải thu của khách hàng	”	6,212	48,242	-42,030	12,88 %
2.2	Trả trước cho người bán	”	70,830	8,137	62,693	870,47 %
2.3	Các khoản phải thu khác	”	0,690	16,343	-15,653	4,22 %

- Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 240,440 tỷ đồng, tăng 9,82% so với cùng kỳ năm 2011;
- Tính đến ngày 31/12/2012, Công ty có các khoản phải thu ngắn hạn là 77,732 tỷ đồng, tăng 6,69% so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó, tăng chủ yếu là khoản trả trước tiền mua hàng urê Phú Mỹ và phải thu cung ứng dịch vụ cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (*tương ứng: 70,508 tỷ đồng và 4,894 tỷ đồng*). Các khoản phải thu còn lại như: phải thu của khách hàng, phải thu khác đều giảm nhiều (*tương ứng giảm 87,12% và 95,78%*) so với cùng kỳ năm 2011. Công ty không có các khoản thu dài hạn, nợ phải thu xấu và nợ phải thu khó đòi.
- Hiệu suất sử dụng tài sản:

$$\text{Vòng quay Tổng Tài sản} = \frac{\text{Tổng Doanh thu thuần}}{\text{Tổng Tài sản}} = \frac{2.440,980 \text{ tỷ đồng}}{240,440 \text{ tỷ đồng}} = 10,15 \text{ vòng}$$

$$\text{Vòng quay TSCĐ} = \frac{\text{Tổng Doanh thu thuần}}{\text{Tổng TSCĐ bình quân}} = \frac{2.440,980 \text{ tỷ đồng}}{59,324 \text{ tỷ đồng}} = 41,15 \text{ vòng}$$

Các chỉ số trên cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản và TSCĐ của Công ty đạt hiệu quả rất cao, một đồng tài sản và TSCĐ bình quân bỏ ra đầu tư mang lại cho Công ty tương ứng 10,15 đồng và 41,15 đồng doanh thu thuần.

## 2. Tình hình nợ phải trả

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2012	31/12/2011	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	% tăng, giảm 2012/2011
A	B	C	1	2	3 = 1 - 2	4 = 1 / 2
1.	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	240,440	218,939	21,501	109,82 %
2.	Các khoản nợ phải trả. <i>Trong đó:</i>	”	101,735	102,106	-0,371	99,64 %
2.1.	Phải trả cho người bán	”	3,663	76,974	-73,341	4,76 %
2.2.	Người mua trả tiền trước	”	86,575	1,876	84,699	4.614,87 %
2.3.	Các khoản phải trả khác	”	11,497	23,255	-11,758	48,82 %

- Tính đến ngày 31/12/2012, Công ty có các khoản nợ phải trả là 101,735 tỷ đồng, giảm 0,371 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2011, tương ứng với tỷ lệ giảm là 0,36%. Trong đó, các khoản phải trả giảm mạnh (*khoản phải trả cho người bán 95,24% và các khoản phải trả khác 51,18%*), khoản người mua trả tiền trước lại tăng mạnh, tăng 84,699 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2011, tương ứng với tỷ lệ tăng 4.514,87% (chủ yếu là khoản trả trước tiền mua hàng urê Phú Mỹ);
- Đến hết ngày 31/12/2012, Công ty không có khoản nợ phải trả dài hạn và nợ phải trả xấu;
- Công ty không có phát sinh các khoản vay vốn và chưa có phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ. Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh không bị ảnh hưởng bởi sự chênh lệch của tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay;
- Các chỉ số nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2012:

$$\frac{\text{Hệ số nợ trên Tổng Tài sản}}{\text{Hệ số nợ trên Tổng Tài sản}} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng Tài sản}} = \frac{101,735 \text{ tỷ đồng}}{240,440 \text{ tỷ đồng}} = 42,31\%$$

$$\frac{\text{Hệ số nợ trên Nguồn vốn CSH}}{\text{Hệ số nợ trên Nguồn vốn CSH}} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn CSH}} = \frac{101,735 \text{ tỷ đồng}}{138,705 \text{ tỷ đồng}} = 73,35\%$$

- Các chỉ số nợ phải trả trên cho thấy tỷ lệ nợ phải trả chiếm tỷ trọng thấp trong Tổng tài sản và Nguồn vốn chủ sở hữu, cơ cấu Nguồn vốn của Công ty chủ yếu được tài trợ bởi Nguồn vốn chủ sở hữu (*chiếm 57,69% trong Tổng Nguồn vốn*), điều này cho thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

### III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc toàn diện về tổ chức, bộ máy quản lý, cơ cấu vốn, nhân lực. Đồng thời, đã đăng ký chứng nhận là Công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại văn bản số 1718/UBCK-QLPH ngày 24/5/2012;
- Công ty tiếp tục chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính Phủ và Chương trình hành động số 103/Ctr-PBHC ngày 21/3/2011 của Tổng Công ty về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Theo đó, Công ty đã lập kế hoạch tiết kiệm, giảm chi phí với tổng mức là 3,33 tỷ đồng. Kết quả tiết kiệm được 3,66 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch năm;
- Công tác thực hiện văn hóa doanh nghiệp cũng được Công ty tích cực triển khai, CBNV đã ý thức được việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty và thực hiện các quy tắc, quy định theo Sổ tay văn hóa PVFCCo, đồng thời tích cực tuyên truyền, giáo dục dưới nhiều hình thức.

### IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2013 sẽ là năm thử thách thực sự đối với Công ty, tập thể lãnh đạo và CBNV PVFCCo Central cùng quyết tâm với tinh thần “vượt thách thức để thành công”. Theo đó, Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2013 do ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời bám sát Chiến lược phát triển của Công ty để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục triển khai các công việc sau:

- Xây dựng chính sách kinh doanh hiệu quả. Quy hoạch và tái cơ cấu hệ thống kênh phân phối hiện tại để đảm bảo khả năng phân phối hiệu quả và tăng năng lực cạnh tranh, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng;
- Hoàn thiện hệ thống kho bãi và không ngừng nâng cao công tác quản lý, chất lượng dịch vụ hậu cần tại các khu vực. Nhanh chóng hoàn thiện và triển khai áp dụng phương án Logistics vào hoạt động kinh doanh của Công ty với phương châm “**An toàn – Kịp thời – Hiệu quả**”;
- Tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đa dạng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Quan tâm đến công tác quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ giỏi nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty;



## PHẦN IV

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn và khu vực Đông Nam Á cũng có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là tình hình chính trị Biển Đông - vùng biển có tầm quan trọng cả về địa chiến lược và kinh tế đối với khu vực và thế giới.

Trong nước, mặc dù chính trị ổn định nhưng tình hình kinh tế vẫn có nhiều khó khăn và rủi ro (khủng hoảng, lạm phát, nợ xấu...) đã ảnh hưởng xấu đến thị trường nói chung và trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc, trong công tác quản lý, điều hành, luôn đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc công khai, tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật. Qua các phân tích và đánh giá, Hội đồng quản trị nhận thấy Công ty đã thực hiện đúng, đủ các quy định của Pháp luật và hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Bên cạnh đó, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hợp tác của các đối tác, khách hàng, sự ủng hộ tích cực của các cổ đông, các Nhà Đầu tư và cùng với sự nỗ lực, tinh thần đoàn kết của tập thể lãnh đạo cũng như toàn thể CBNV. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012.

#### II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị. Kết thúc năm 2012, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra.

#### III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhằm thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch năm 2013, HĐQT xác định nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành Công ty, tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị với những nội dung, chương trình hoạt động như sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2013 do ĐHĐCĐ thông qua;
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro. Tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hiện rà soát, bổ sung, kiện toàn hệ thống quy chế quản lý, quy định, định mức chi phí..., kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự, đảm bảo tối ưu hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2025;
- Tiếp tục chỉ đạo công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm;

- Chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ, tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tổ chức công việc của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả điều hành của Ban Điều hành;
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ đảm bảo ít nhất mỗi quý họp 1 lần;
- Tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc, vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.
- Giám sát Ban Điều hành thực hiện các chỉ tiêu chính, cụ thể như sau:
  - Tổng sản lượng tiêu thụ : 287.000 tấn (Trong đó: 1.000 tấn hóa chất)
  - Doanh thu : 2.515,73 tỷ đồng
  - Lợi nhuận trước thuế : 41,74 tỷ đồng
  - Lợi nhuận sau thuế : 31,30 tỷ đồng
  - Nộp NSNN : 12,90 tỷ đồng

Trên đây là những phân tích đánh giá cơ bản công tác điều hành trong năm 2012 và những định hướng kế hoạch công tác mới trong năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.

**PHẦN V**  
**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**I. Hội đồng quản trị**

**1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch HĐQT	4.000.000	20.000	4.020.000
2	Cao Trung Kiên	UV.HĐQT, GĐ	2.500.000	30.000	2.530.000
3	Mai Minh Phương	UV.HĐQT, PGĐ	1.000.000	40.000	1.040.000
4	Lê Thanh Viên	UV.HĐQT, KTT	0	20.000	20.000
5	Nguyễn Hữu Luận	UV.HĐQT	300.000	550.000	850.000

**2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến các thành viên thông qua hình thức phiếu xin ý kiến để ban hành các nghị quyết, quyết định, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2012, thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2012 của Công ty;
- Ban hành, sửa đổi các quy chế quan trọng trong công tác quản trị Công ty;
- Quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012: 7% mệnh giá cổ phiếu;
- Thực hiện các hoạt động giám sát, chỉ đạo khác cho Ban điều hành trong tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty;

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm Chủ tịch HĐQT và 4 thành viên kiêm nhiệm đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các quy chế, chế độ báo cáo, các cuộc họp với Ban điều hành có sự tham dự của HĐQT.

**II. Ban Kiểm soát**

**1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban	0	5,000	5,000
2	Phạm Thành Long	Thành viên	0	0	
3	Hoàng Trung Dũng	Thành viên	0	0	

## 2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2012, các hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện theo kế hoạch với các nội dung chủ yếu:

- Kiểm tra giám sát việc thực thi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
- Giám sát công tác quản lý, tổ chức điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty;
- Tham gia các cuộc họp triển khai hoạt động kinh doanh;
- Kiểm soát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động kinh doanh;
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm, các báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo công tác quản lý hàng tháng;
- Kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2012	TH năm 2012	TH/KH
<b>1. Sản lượng tiêu thụ</b>				
- Ure Phú Mỹ	Tấn	220.000	211.039	95,9 %
- Các loại phân bón khác	Tấn	63.004	64.072	102,7 %
<b>2. Các chỉ tiêu tài chính</b>				
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.535,41	2.443,44	96,4 %
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	42,00	53,27	126,8%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	31,50	43,65	138,6%

## 3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty:

Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám đốc Công ty đã phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012. Hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc bám sát nghị quyết và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, mang lại lợi ích cho cổ đông. Quá trình ra quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc đã tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

Trong quá trình thực hiện chức năng - nhiệm vụ theo luật định, Ban Kiểm soát nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng, đơn vị trực thuộc; được cung cấp tài liệu, số liệu và các bằng chứng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các thông tin cần thiết.

## Kiến nghị:

Trong năm 2012, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch. Để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và thực hiện tốt chiến lược phát triển của Công ty, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất sản phẩm mới nhằm tận dụng được các lợi thế cạnh tranh hiện có và phù hợp với chiến lược phát triển;
- Xây dựng chính sách hỗ trợ bán hàng cho khách hàng để tăng tính trách nhiệm và sự gắn kết với khách hàng;
- Làm việc với Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí để chủ động nguồn hàng trong năm đặc biệt vào thời điểm mùa vụ để cung cấp hàng kịp thời nhằm giữ khách hàng và thị trường;
- Rà soát, đánh giá công tác đầu tư xây dựng cho sát với thực tế, đảm bảo đầu tư hiệu quả;
- Hoàn tất các thủ tục đề niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán khi điều kiện cho phép.

## 4. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2013:

- Giám sát việc chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013 và Điều lệ của Công ty;
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính; Các báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty;
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định quản lý hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

## III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

### 1. Chi tiết thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

I. BÁO CÁO THỰC HIỆN NĂM 2012:									<i>Dvt: đồng</i>
Stt	Chức danh	Tiền lương, lương bổ sung	Phụ cấp kiêm nhiệm (Thù lao)	Thưởng từ Quỹ khen thưởng		Thưởng từ Quỹ Phúc lợi	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng	Ghi chú
				Thưởng chung	Thưởng Ban QLĐH				
<b>I.</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>2,047,919,637</b>	<b>246,000,000</b>	<b>538,210,100</b>	<b>690,560,579</b>	<b>75,533,333</b>	<b>93,156,453</b>	<b>3,691,380,102</b>	
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	0	54,000,000		172,640,145	0	5,454,545	232,094,690	
2	UV HĐQT kiêm Giám đốc	745,134,776	48,000,000	206,881,741	172,640,145	24,733,333	29,778,600	1,227,168,595	
3	UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	683,988,648	48,000,000	175,590,819	115,093,430	25,400,000	32,995,816	1,081,068,713	
4	UV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	618,796,213	48,000,000	155,737,540	115,093,430	25,400,000	24,927,491	987,954,674	
5	UV HĐQT không chuyên trách		48,000,000		115,093,430	0	0	163,093,430	
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>0</b>	<b>114,000,000</b>	<b>0</b>	<b>207,168,174</b>	<b>0</b>	<b>12,059,993</b>	<b>333,228,167</b>	
1	Trưởng Ban Kiểm soát		42,000,000		138,112,116	0	12,059,993	192,172,109	
2	Thành viên Ban kiểm soát		36,000,000		34,528,029	0	0	70,528,029	
3	Thành viên Ban kiểm soát		36,000,000		34,528,029	0	0	70,528,029	
<b>CỘNG</b>		<b>2,047,919,637</b>	<b>360,000,000</b>		<b>897,728,752</b>	<b>0</b>		<b>4,024,608,268</b>	

## 2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	CTCP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng		500.000	5%	490.000	4,9%	Bán
2	Công ty TNHH MTV Minh Tân		500.000	5%	300.000	3%	Bán
3	Mai Minh Phương	Thành viên HĐQT, PGĐ Cty	70.000	0,7%	40.000	0,4%	Bán
4	Nguyễn Hữu Luận	Thành viên HĐQT	0	-	550.000	5,5%	Mua
5	Nguyễn Văn Thường	Trưởng Ban KS	20.000	0.2%	25.000	0,25%	Mua. Bán

## 3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

HĐQT đã áp dụng và thực hiện các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt vượt các chỉ tiêu kế hoạch.

## PHẦN VI

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Báo cáo tài chính được kiểm toán

#### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013, từ trang 3 đến trang 19, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính, trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính, Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính, Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 20 tháng 02 năm 2013  
Hà Nội. CHXHCN Việt Nam

---

**Trần Huy Công**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>168,806,748,737</b>	<b>158,283,502,529</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>59,518,116,234</b>	<b>75,750,967,116</b>
1. Tiền	111		21,518,116,234	1,450,967,116
2. Các khoản tương đương tiền	112		38,000,000,000	74,300,000,000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77,731,675,812</b>	<b>72,722,367,623</b>
1. Phải thu khách hàng	131		6,211,500,771	48,242,284,655
2. Trả trước cho người bán	132		70,829,980,000	8,136,823,341
3. Các khoản phải thu khác	135	5	690,195,041	16,343,259,627
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>29,726,768,718</b>	<b>9,595,335,817</b>
1. Hàng tồn kho	141		32,698,827,046	9,595,335,817
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,972,058,328)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,830,187,973</b>	<b>214,831,973</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99,774,500	210,725,034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,235,760,533	4,106,939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		494,652,940	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 260)	<b>200</b>		<b>71,633,602,320</b>	<b>60,655,496,537</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65,270,680,916</b>	<b>53,377,620,996</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	43,417,445,895	39,859,542,869
- Nguyên giá	222		64,687,374,070	55,363,546,431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21,269,928,175)	(15,504,003,562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	21,822,235,021	13,481,175,075
- Nguyên giá	228		21,904,819,239	13,539,002,668
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82,584,218)	(57,827,593)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		31,000,000	36,903,052
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,362,921,404</b>	<b>7,277,875,541</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6,359,921,404	7,274,875,541
2. Tài sản dài hạn khác	268		3,000,000	3,000,000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>240,440,351,057</b>	<b>218,938,999,066</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>101,734,971,061</b>	<b>102,106,142,415</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101,734,971,061</b>	<b>102,020,426,415</b>
1. Phải trả người bán	312		3,663,211,358	76,974,541,349
2. Người mua trả tiền trước	313		86,574,823,204	1,876,324,854
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	420,190,820	10,706,386,312
4. Phải trả người lao động	315		3,009,894,779	2,212,661,994
5. Chi phí phải trả	316		-	6,307,223,510
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		77,209,446	243,150,186
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7,989,641,454	3,700,138,210
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>85,716,000</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	85,716,000
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>138,705,379,996</b>	<b>116,832,856,651</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>11</b>	<b>138,705,379,996</b>	<b>116,832,856,651</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	23,366
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		9,064,298,037	4,699,358,744
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,315,375,475	3,132,905,829
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24,325,706,484	9,000,568,712
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>240,440,351,057</b>	<b>218,938,999,066</b>

Phạm Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Lê Thanh Viên  
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên  
Giám đốc

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	2,468,822,428,179	2,211,987,455,710
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12	27,842,416,244	14,867,163,230
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>12</b>	<b>2,440,980,011,935</b>	<b>2,197,120,292,480</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	12	2,347,980,403,185	2,126,497,796,242
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>92,999,608,750</b>	<b>70,622,496,238</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,428,806,800	5,777,893,743
7. Chi phí tài chính	22		41,886	2,076,506,360
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2,076,506,360
8. Chi phí bán hàng	24		20,399,465,731	14,305,262,006
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22,851,448,242	18,135,314,332
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>53,177,459,691</b>	<b>41,883,307,283</b>
11. Thu nhập khác	31		90,816,000	952,049,153
12. Chi phí khác	32		-	874,627,573
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>90,816,000</b>	<b>77,421,580</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>53,268,275,691</b>	<b>41,960,728,863</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	9,618,882,764	10,631,670,570
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>43,649,392,927</b>	<b>31,329,058,293</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4,365	3,355

Phạm Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Lê Thanh Viên  
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>53,268,275,691</b>	<b>41,960,728,863</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5,868,343,238	5,669,768,326
Các khoản dự phòng	03	2,972,058,328	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	41,886	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3,433,906,800)	(5,777,893,743)
Chi phí lãi vay	06	-	2,076,506,360
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>58,674,812,343</b>	<b>43,929,109,806</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(12,779,308,189)	18,242,870,422
Thay đổi hàng tồn kho	10	(23,103,491,229)	(8,824,839,892)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3,961,465,893)	11,547,410,854
Thay đổi chi phí trả trước	12	(205,772,289)	217,976,998
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2,076,506,360)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10,795,762,393)	(14,439,157,433)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,171,000,000	2,097,019,539
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5,643,844,988)	(3,784,359,039)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4,356,167,362</b>	<b>46,909,524,895</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9,861,403,158)	(16,260,922,189)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5,100,000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,298,806,800	5,777,893,743
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6,557,496,358)</b>	<b>(10,483,028,446)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20,000,000,000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	121,160,000,000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(121,160,000,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14,031,480,000)	(9,927,600,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(14,031,480,000)</b>	<b>10,072,400,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(16,232,808,996)</b>	<b>46,498,896,449</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>75,750,967,116</b>	<b>29,252,047,301</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(41,886)	23,366
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>59,518,116,234</b>	<b>75,750,967,116</b>

**Phạm Thị Tuyết Minh**  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 02 năm 2013

**Lê Thanh Viên**  
Kế toán trưởng

**Cao Trung Kiên**  
Giám đốc

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Đắc Lắc và Quảng Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 48 người).

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi,

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam,

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính và giả định đặt ra.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó, Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

#### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Công ty thuê 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	59,877,051	162,466,021
Tiền gửi ngân hàng	21,458,239,183	1,288,501,095
Các khoản tương đương tiền	38,000,000,000	74,300,000,000
	<u><b>59,518,116,234</b></u>	<u><b>75,750,967,116</b></u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 9%/năm.

#### 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chiết khấu mua hàng Quý 4/2011 phải thu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	6,249,231,572
Chi hệ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	435,299,732	214,299,732
Thuế giá trị gia tăng được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế tỉnh Bình Định	-	9,839,703,682
Phải thu khác	254,895,309	40,024,641
	<u><b>690,195,041</b></u>	<u><b>16,343,259,627</b></u>

#### 6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	750,000	53,997,500
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	66,930,908
Hàng hóa	32,698,077,046	9,474,407,409
<b>Cộng</b>	<u><b>32,698,827,046</b></u>	<u><b>9,595,335,817</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2,972,058,328)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>29,726,768,718</b></u>	<u><b>9,595,335,817</b></u>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.972.058.328 đồng.



## 7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	51,281,332,619	500,589,321	1,009,002,060	2,572,622,431	55,363,546,431
Mua trong năm	7,641,666,225	-	1,391,890,911	347,932,503	9,381,489,639
Thanh lý	-	-	-	(57,662,000)	(57,662,000)
Tại ngày 31/12/2012	58,922,998,844	500,589,321	2,400,892,971	2,862,892,934	64,687,374,070
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	14,067,516,640	54,662,823	296,350,200	1,085,473,899	15,504,003,562
Khấu hao trong năm	4,698,754,187	125,175,124	285,842,815	713,814,487	5,823,586,613
Thanh lý	-	-	-	(57,662,000)	(57,662,000)
Tại ngày 31/12/2012	18,766,270,827	179,837,947	582,193,015	1,741,626,386	21,269,928,175
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<b>40,156,728,017</b>	<b>320,751,374</b>	<b>1,818,699,956</b>	<b>1,121,266,548</b>	<b>43,417,445,895</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>37,213,815,979</b>	<b>445,926,498</b>	<b>712,651,860</b>	<b>1,487,148,532</b>	<b>39,859,542,869</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.158.773.073 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 311.452.048 đồng).

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	13,519,002,668	20,000,000	13,539,002,668
Mua trong năm	8,385,816,571	-	8,385,816,571
Thanh lý	-	(20,000,000)	(20,000,000)
Tại ngày 31/12/2012	21,904,819,239	-	21,904,819,239
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	37,827,593	20,000,000	57,827,593
Khấu hao trong năm	44,756,625	-	44,756,625
Thanh lý	-	(20,000,000)	(20,000,000)
Tại ngày 31/12/2012	82,584,218	-	82,584,218
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	<b>21,822,235,021</b>	-	<b>21,822,235,021</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>13,481,175,075</b>	-	<b>13,481,175,075</b>

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5,945,813,969	6,098,825,828
Chi phí trả trước dài hạn khác	414,107,435	1,176,049,713
	<b>6,359,921,404</b>	<b>7,274,875,541</b>

## 10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	11,964,259	9,860,463,431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	667,728,705
Thuế thu nhập cá nhân	408,226,561	178,194,176
	<b><u>420,190,820</u></b>	<b><u>10,706,386,312</u></b>

## 11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	-	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	80,000,000,000	-	-	-	-	80,000,000,000
Tăng vốn trong năm	20,000,000,000	-	-	-	-	20,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	31,329,058,293	31,329,058,293
Trích lập quỹ	-	-	4,699,358,744	3,132,905,829	(12,328,489,581)	(4,496,225,008)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(10,000,000,000)	(10,000,000,000)
Tăng khác	-	23,366	-	-	-	23,366
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b><u>100,000,000,000</u></b>	<b><u>23,366</u></b>	<b><u>4,699,358,744</u></b>	<b><u>3,132,905,829</u></b>	<b><u>9,000,568,712</u></b>	<b><u>116,832,856,651</u></b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	43,649,392,927	43,649,392,927
Trích lập quỹ (1)	-	-	4,364,939,293	2,182,469,646	(14,309,757,171)	(7,762,348,232)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	(14,000,000,000)	(14,000,000,000)
(Giảm) khác	-	(23,366)	-	-	(14,497,984)	(14,521,350)
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b><u>100,000,000,000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9,064,298,037</u></b>	<b><u>5,315,375,475</u></b>	<b><u>24,325,706,484</u></b>	<b><u>138,705,379,996</u></b>

(1) Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 được Hội đồng quản trị Tổng Công ty thông qua tại Nghị quyết số 341/NQ-PBHC ngày 15 tháng 10 năm 2012. Công ty thực hiện tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính và Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 4.364.939.293 đồng, 2.182.469.646 đồng và 7.762.348.232 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(2) Theo Nghị quyết số 108/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức được phê duyệt năm 2011 là 17.000.000.000 đồng (1.700 đồng/cổ phần), trong đó số đã tạm ứng năm 2011 là 10.000.000.000 đồng và số chi trả trong năm 2012 là 7.000.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền 7.000.000.000 đồng.

### Cổ phiếu

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu.

## 11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

### Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, Chi tiết như sau:

	Tỷ lệ (%)	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	75.0%	75,000,000,000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4.9%	4,900,000,000
Công ty TNHH Minh Tân	3.0%	3,000,000,000
Các cổ đông khác	17.1%	17,100,000,000
	<b>100%</b>	<b>100,000,000,000</b>

## 12. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

Doanh thu - Giá vốn trong năm theo từng loại hình kinh doanh của Công ty như sau:

### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu phân bón	2,433,647,274,505	2,182,618,579,589
Doanh thu hóa chất	19,154,042,497	11,163,501,941
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16,021,111,177	18,205,374,180
	<b>2,468,822,428,179</b>	<b>2,211,987,455,710</b>
Chiết khấu thương mại	25,069,082,914	14,867,163,230
Giảm giá hàng bán	2,773,333,330	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2,440,980,011,935</b>	<b>2,197,120,292,480</b>

### Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn phân bón	2,314,560,113,704	2,098,077,912,661
Giá vốn hóa chất	18,166,786,212	10,803,619,366
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15,253,503,269	17,616,264,215
	<b>2,347,980,403,185</b>	<b>2,126,497,796,242</b>

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh Miền Trung.

### 13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	15,689,980,786	12,823,817,617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,868,343,238	5,669,768,326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,830,344,306	10,692,119,890
Chi phí khác	7,593,478,992	2,366,074,454
	<b><u>44,982,147,322</u></b>	<b><u>31,551,780,287</u></b>

### 14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>53,268,275,691</b>	<b>41,960,728,863</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	227,298,000	565,953,416
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>53,495,573,691</b>	<b>42,526,682,279</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>13,373,893,423</b>	<b>10,631,670,570</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (i)	3,755,010,659	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>9,618,882,764</u></b>	<b><u>10,631,670,570</u></b>

(i) Theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 100 người. Số thuế được giảm được xác định trên thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty với số tiền là 3.755.010.659 đồng.

### 15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152,783,228	153,190,241

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m<sup>2</sup> tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m<sup>2</sup>/năm, Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

## 16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp từ các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	59,518,116,234	75,750,967,116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6,901,695,812	64,585,544,282
<b>Tổng cộng</b>	<b>66,419,812,046</b>	<b>140,336,511,398</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	3,704,380,563	77,079,004,878
Chi phí phải trả	-	6,307,223,510
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,704,380,563</b>	<b>83,386,228,388</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí- CTCP và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

## 16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thán toán như đã được thỏa thuận, các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc, việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59,518,116,234	-	59,518,116,234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6,901,695,812	-	6,901,695,812
<b>Tổng cộng</b>	<b>66,419,812,046</b>	<b>-</b>	<b>66,419,812,046</b>
<b>31/12/2012</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3,704,380,563	-	3,704,380,563
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,704,380,563</b>	<b>-</b>	<b>3,704,380,563</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>62,715,431,483</b>	<b>-</b>	<b>62,715,431,483</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	75,750,967,116	-	75,750,967,116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64,585,544,282	-	64,585,544,282
<b>Tổng cộng</b>	<b>140,336,511,398</b>	<b>-</b>	<b>140,336,511,398</b>
<b>31/12/2011</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	77,079,004,878	-	77,079,004,878
Chi phí phải trả	6,307,223,510	-	6,307,223,510
<b>Tổng cộng</b>	<b>83,386,228,388</b>	<b>-</b>	<b>83,386,228,388</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>56,950,283,010</b>	<b>-</b>	<b>56,950,283,010</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	14,857,142,857
Công ty Cổ Phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	45,638,903,973	59,614,561,804
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	30,580,997,623	25,117,071,423
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	11,522,399,791	4,588,622,259
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	251,226,256	1,604,061,500
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Chi nhánh Miền Trung	1,768,309,524	6,966,666,674
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14,513,263,531	17,657,157,333
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	31,881,900
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1,930,418,826,679	1,501,701,373,585
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	67,513,514,286
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	17,171,676,429	29,982,143,793
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	110,289,499,848	181,200,548,303
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	62,871,500	-
Công ty Cổ Phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	7,206,262,707	5,770,000,000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1,049,018,222	1,717,860,224
<b>Mua tài sản</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	2,503,524,245

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	3,150,020,876	2,662,006,885

## 17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4,893,644,410	3,621,633,055
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1,297,635,200	1,197,198,732
<b>Trả trước cho nhà cung cấp</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	70,508,000,000	236,823,341
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	435,299,732	6,463,531,304
<b>Phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	51,986,000	137,693,833
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	758,461,000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	75,421,304,166
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	2,905,350,225	121,753,572
Công ty Cổ Phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	3,860,365,429	140,991,448

## 18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

\_\_\_\_\_  
**Phạm Thị Tuyết Minh**  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 02 năm 2013

\_\_\_\_\_  
**Lê Thanh Viên**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Cao Trung Kiên**  
Giám đốc

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty**